

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo thuyết minh Báo cáo tài chính

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin, tiền thân là Công ty Công nghiệp Ô tô - TKV, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203001271 ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất số 5700353722 ngày 27 tháng 7 năm 2010. Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 7 năm 2012 với mã số doanh nghiệp là 5700353722.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ông Phạm Xuân Phi	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Phùng Ngọc Chuân	Thành viên	
Ông ZaKharicov Andrey Alexandrovich	Thành viên	
Ông Hà Minh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2017
Ông Nguyễn Văn Học	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 01/03/2017

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ông Phạm Xuân Phi	Giám đốc
Ông Phùng Ngọc Chuân	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Bà Bùi Thị Lan	Trưởng ban
----------------	------------

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2018

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC 
GIÁM ĐỐC



Phạm Xuân Phi

Số: 09/2018/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 37 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



TS. Trần Văn Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0283-2018-242-1

Nguyễn Thị Thương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3381-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.483.063.955	98.300.350.418
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	1.233.386.041	2.185.718.054
Tiền	111		1.233.386.041	2.185.718.054
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.045.498.336	82.401.740.318
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	101.934.705.362	82.503.034.901
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.740.000	103.180.000
Các khoản phải thu khác	136	5.3	522.386.524	260.858.967
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(465.333.550)	(465.333.550)
Hàng tồn kho	140	5.5	15.305.747.107	13.332.949.229
Hàng tồn kho	141		15.560.893.100	13.618.283.997
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(255.145.993)	(285.334.768)
Tài sản ngắn hạn khác	150		898.432.471	379.942.817
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	898.432.471	379.942.817
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.816.881.084	20.045.757.325
Tài sản cố định	220		20.077.395.944	20.045.757.325
TSCĐ hữu hình	221	5.7	20.047.395.936	19.908.073.426
- Nguyên giá	222		103.432.456.222	98.004.357.458
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(83.385.060.286)	(78.096.284.032)
TSCĐ vô hình	227	5.8	30.000.008	137.683.899
- Nguyên giá	228		371.520.000	371.520.000
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(341.519.992)	(233.836.101)
Tài sản dở dang dài hạn	240		739.485.140	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	739.485.140	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.299.945.039	118.346.107.743

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		104.697.807.059	88.779.173.527
Nợ ngắn hạn	310		103.213.917.059	87.799.283.527
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	78.308.598.599	54.520.574.193
Người mua trả tiền trước	312		-	761.896.379
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.348.023.844	2.674.479.159
Phải trả người lao động	314		15.334.231.060	16.941.774.673
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	6.484.000
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	208.434.476	2.229.139.258
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	5.130.907.472	8.303.716.319
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.883.721.608	2.361.219.546
Nợ dài hạn	330		1.483.890.000	979.890.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.483.890.000	979.890.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.602.137.980	29.566.934.216
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	33.865.087.466	29.829.883.702
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		733.418.350	733.418.350
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.096.465.352	2.096.465.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.035.203.764	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.035.203.764	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.737.050.514	(262.949.486)
Nguồn kinh phí	431		1.737.050.514	(262.949.486)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.299.945.039	118.346.107.743

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIAM ĐỐC



Nguyễn Thị Huệ

Nguyễn Thị Hồng Thịnh

Phạm Xuân Phi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	302.857.709.822	383.789.113.175
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10		302.857.709.822	383.789.113.175
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	278.133.485.218	345.764.351.332
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.724.224.604	38.024.761.843
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.711.582	11.991.813
Chi phí tài chính	22	6.4	655.265.182	366.456.265
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		655.265.182	366.456.265
Chi phí bán hàng	24	6.5	(1.040.102.941)	3.166.390.784
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	20.156.912.055	30.791.700.361
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.959.861.890	3.712.206.246
Thu nhập khác	31	6.6	267.908.772	1.683.899.188
Chi phí khác	32	6.7	183.765.957	397.204.866
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		84.142.815	1.286.694.322
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.044.004.705	4.998.900.568
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.008.800.941	1.018.485.883
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.035.203.764	3.980.414.685
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.495	1.474

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Huệ

Nguyễn Thị Hồng Thịnh

Phạm Xuân Phi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.044.004.705	4.998.900.568
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.396.460.145	3.467.808.358
Các khoản dự phòng	03	(3.202.997.622)	470.459.349
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.711.582)	(327.591.813)
Chi phí lãi vay	06	655.265.182	366.456.265
Các khoản điều chỉnh khác	07	477.497.938	499.890.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.362.518.766	9.475.922.727
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(19.382.230.461)	(8.003.208.889)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.942.609.103)	5.870.759.924
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	22.145.834.094	194.204.511
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(518.489.654)	2.846.915.266
Tiền lãi vay đã trả	14	(655.265.182)	(366.456.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(832.243.883)	(1.264.490.483)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	146.000.000	1.437.833.883
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(623.497.938)	(844.085.938)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.700.016.639	9.347.394.736
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(5.481.838.764)	(6.003.522.158)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	315.600.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.711.582	11.991.813
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.474.127.182)	(5.675.930.345)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	117.296.465.289	82.459.824.674
Tiền trả nợ gốc vay	34	(117.296.465.289)	(82.459.824.674)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.178.221.470)	(2.161.775.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.178.221.470)	(2.161.775.635)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.185.718.054	676.029.298
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.233.386.041	2.185.718.054

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Huệ

Nguyễn Thị Hồng Thịnh

Phạm Xuân Phi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin, tiền thân là Công ty Công nghiệp Ô tô - TKV, được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203001271 ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất số 5700353722 ngày 27 tháng 7 năm 2010. Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 7 năm 2012 với mã số doanh nghiệp là 5700353722.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Sản xuất xe có động cơ: Sản xuất, lắp ráp xe ô tô tải, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô du lịch. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô các loại, thiết bị mỏ, thiết bị khoáng sản. Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng các loại máy móc thiết bị thi công. Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Chế tạo thiết bị, chế tạo, phục hồi vật tư phụ tùng. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Chế tạo, sửa chữa các thiết bị sàng tuyển. Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất các loại sản phẩm có kết cấu cơ khí. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Xây dựng các công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây và trạm biến áp. Sửa chữa thiết bị điện: Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng các thiết bị năng lượng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 379 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc, thiết bị	08-12
Phương tiện vận tải	08-15
Trang thiết bị văn phòng	03-05

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm: 06 năm

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa thường xuyên và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.7 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.8 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, trả chậm lãi,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700353722 điều chỉnh lần 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05/7/2012 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản VN	9.722.270.000	9.722.270.000	36%
Công ty Cổ phần kín "Công ty Ngoại thương Kamaz"	10.163.000.000	10.163.000.000	38%
Các cổ đông khác	7.114.730.000	7.114.730.000	26%
Tổng cộng	27.000.000.000	27.000.000.000	100%

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tửng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Tiền mặt (i)	348.530.340	329.850.784
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	884.855.701	1.855.867.270
Cộng	1.233.386.041	2.185.718.054

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2017 bao gồm:

Ngoại tệ

Đồng Việt Nam

Cộng

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017 bao gồm:

Ngoại tệ

Đồng Việt Nam

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Các ngân hàng TMCP khác

Nguyên tệ	VND
	-
	348.530.340
Cộng	348.530.340
	-
	884.855.701
	444.540.679
	226.838.177
	213.476.845
	884.855.701

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	101.934.705.362	82.503.034.901
Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin	27.370.419.986	6.122.825.477
Các khoản phải thu của khách hàng khác	74.564.285.376	76.380.209.424
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	101.934.705.362	82.503.034.901

5.3. Phải thu khác

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a, Ngắn hạn	522.386.524	-	260.858.967	-
Phải thu người lao động	6.115.652	-	3.499.920	-
Tạm ứng	199.904.282	-	-	-
Kinh phí công đoàn + đoàn phí	54.589.211	-	-	-
Phải thu khác	261.777.379	-	257.359.047	-
b, Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	522.386.524	-	260.858.967	-

5.4. Nợ xấu

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	713.933.550	248.600.000	713.933.550	248.600.000
Từ 1 đến 2 năm	-	-	497.200.000	248.600.000
Công ty CP Cromit Cổ định Thanh Hóa - Vinacomin	-	-	497.200.000	248.600.000
Từ 2 đến 3 năm	497.200.000	248.600.000	-	-
Công ty CP Cromit Cổ định Thanh Hóa - Vinacomin	497.200.000	248.600.000	-	-
Từ 3 năm trở lên	216.733.550	-	216.733.550	-
Công ty CP Cavico Xây dựng Hạ tầng	48.928.550	-	48.928.550	-
Công ty TNHH ô tô Hà Trang	39.790.000	-	39.790.000	-
Công ty TNHH Nhất Bình	128.015.000	-	128.015.000	-
Cộng	713.933.550	248.600.000	713.933.550	248.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.774.586.601	(255.145.993)	2.099.526.945	(285.334.768)
Công cụ, dụng cụ	79.237.400	-	122.724.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.674.874.133	-	8.243.126.978	-
Thành phẩm	1.814.843.540	-	2.363.108.621	-
Hàng gửi bán	1.217.351.426	-	789.797.453	-
Cộng	15.560.893.100	(255.145.993)	13.618.283.997	(285.334.768)

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 302.000.790 đồng. Nguyên nhân và hướng xử lý: Đây là các vật tư phục vụ dự trữ cho sửa chữa tuy nhiên đến nay do mỏ không sửa chữa các loại xe sử dụng vật tư trên nên dẫn đến việc vật tư lạc hậu; Hướng xử lý: tiếp tục tận dụng (nếu được) và thanh lý theo trình tự quản lý vật tư của Công ty.

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	898.432.471	379.942.817
Chi phí SCL phải PB nhiều kỳ trong năm	898.432.471	379.942.817
b) Dài hạn	-	-
Cộng	898.432.471	379.942.817

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tông, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	48.106.442.163	29.741.919.286	19.225.819.009	930.177.000	98.004.357.458
Mua trong năm	-	5.428.098.764	-	-	5.428.098.764
Số dư cuối năm	48.106.442.163	35.170.018.050	19.225.819.009	930.177.000	103.432.456.222
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	44.002.740.998	19.048.759.968	14.363.255.627	681.527.439	78.096.284.032
- Khấu hao trong năm	566.046.043	3.167.706.390	1.497.861.259	57.162.562	5.288.776.254
Số dư cuối năm	44.568.787.041	22.216.466.358	15.861.116.886	738.690.001	83.385.060.286
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu năm	4.103.701.165	10.693.159.318	4.862.563.382	248.649.561	19.908.073.426
- Tại ngày cuối năm	3.537.655.122	12.953.551.692	3.364.702.123	191.486.999	20.047.395.936

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 64.347.372.163 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tửng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8. Tài sản vô hình

Khoản mục	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	371.520.000	371.520.000
Số dư cuối năm	371.520.000	371.520.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	233.836.101	233.836.101
- Khấu hao trong năm	107.683.891	107.683.891
Số dư cuối năm	341.519.992	341.519.992
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu năm	137.683.899	137.683.899
- Tại ngày cuối năm	30.000.008	30.000.008

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công trình gia công khung ray đồ giá PV lắp đặt hệ thống rô bốt hàn	739.485.140	-
Cộng	739.485.140	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	78.308.598.599	78.308.598.599	54.520.574.193	54.520.574.193
Công ty TNHH thiết bị nặng Marubeni	9.818.702.800	9.818.702.800	5.871.568.860	5.871.568.860
Các nhà cung cấp khác	68.489.895.799	68.489.895.799	48.649.005.333	48.649.005.333
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	78.308.598.599	78.308.598.599	54.520.574.193	54.520.574.193

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		31/12/2017	
	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
a) Phải nộp	2.674.479.159	7.343.568.700	7.670.024.015	2.348.023.844
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.521.735.276	5.485.775.680	5.967.086.622	2.040.424.334
Thuế thu nhập cá nhân	60.500.000	510.264.641	531.966.072	38.798.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.243.883	1.008.800.941	832.243.883	268.800.941
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	327.343.291	327.343.291	-
Các loại thuế, phí khác	-	11.384.147	11.384.147	-
b) Phải thu	-	-	-	-
Cộng	2.674.479.159	7.343.568.700	7.670.024.015	2.348.023.844

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12. Phải trả khác

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	208.434.476	2.229.139.258
Tiền trả cổ tức cổ đông	18.221.470	2.175.476.070
Phải trả khác	190.213.006	53.663.188
b) Dài hạn	-	-
Cộng	208.434.476	2.229.139.258

5.13. Dự phòng phải trả

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	5.130.907.472	8.303.716.319
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	5.130.907.472	8.303.716.319
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.130.907.472	8.303.716.319

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tông, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	733.418.350	1.550.340.946	-	29.283.759.296
- Phân phối quỹ	-	-	546.124.406	-	546.124.406
- Lãi trong năm trước	-	-	-	3.980.414.685	3.980.414.685
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(3.980.414.685)	(3.980.414.685)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	27.000.000.000	733.418.350	2.096.465.352	-	29.829.883.702
- Lãi trong năm	-	-	-	4.035.203.764	4.035.203.764
Số dư cuối năm nay	27.000.000.000	733.418.350	2.096.465.352	4.035.203.764	33.865.087.466

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản VN	9.722.270.000	9.722.270.000
- Vốn góp Công ty Cổ phần kín "Công ty Ngoại thương Kamaz"	10.163.000.000	10.163.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	7.114.730.000	7.114.730.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.160.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tửng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	302.857.709.822	383.789.113.175
- Doanh thu bán hàng	291.081.771.061	362.065.403.635
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.775.938.761	21.723.709.540

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	266.968.302.183	324.995.293.062
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.195.371.810	20.769.058.270
- Hoàn nhập lại hàng tồn	(30.188.775)	-
Cộng	278.133.485.218	345.764.351.332

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.711.582	11.991.813
Cộng	7.711.582	11.991.813

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Lãi tiền vay	655.265.182	366.456.265
Cộng	655.265.182	366.456.265

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.156.912.055	30.791.700.361
+ Chi phí tiền lương	8.333.105.709	16.851.867.960
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.823.806.346	13.939.832.401
Chi phí bán hàng	1.698.249.337	3.166.390.784
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	920.862.000	590.450.000
+ Chi phí khác	777.387.337	2.575.940.784
Các khoản ghi giảm Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.738.352.278	-
+ Hoàn nhập dự phòng bảo hành	2.738.352.278	-

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	315.600.000
- Các khoản thu nhập khác	267.908.772	1.368.299.188
Cộng	267.908.772	1.683.899.188

6.7 Chi phí khác

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Các khoản chi khác	183.765.957	397.204.866
Cộng	183.765.957	397.204.866

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.044.004.705	4.998.900.568
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	93.528.845
+ Chi phí không hợp lý	-	93.528.845
- Tổng thu nhập chịu thuế	5.044.004.705	5.092.429.413
- Thu nhập tính thuế	5.044.004.705	5.092.429.413
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.008.800.941	1.018.485.883
Cộng	1.008.800.941	1.018.485.883

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.035.203.764	3.980.414.685
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	4.035.203.764	3.980.414.685
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.495	1.474

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	233.232.695.684	289.938.641.631
- Chi phí nhân công	48.869.563.659	55.133.296.264
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.396.460.145	3.467.808.358
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.194.937.884	14.544.289.186
- Chi phí khác bằng tiền	9.950.461.413	15.697.288.662
Cộng	301.644.118.785	378.781.324.101

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.233.386.041	-	1.233.386.041
Phải thu khách hàng	101.934.705.362	-	101.934.705.362
Phải thu khác	522.386.524	-	522.386.524
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(465.333.550)	-	(465.333.550)
Tổng cộng	103.225.144.377	-	103.225.144.377
Ngày 31/12/2017			
Phải trả người bán	78.308.598.599	-	78.308.598.599
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	208.434.476	-	208.434.476
Tổng cộng	78.517.033.075	-	78.517.033.075
Chênh lệch thanh khoản thuần	24.708.111.302	-	24.708.111.302
Ngày 01/01/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.185.718.054	-	2.185.718.054
Phải thu khách hàng	82.503.034.901	-	82.503.034.901
Phải thu khác	260.858.967	-	260.858.967
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(465.333.550)	-	(465.333.550)
Tổng cộng	84.484.278.372	-	84.484.278.372
Ngày 01/01/2017			
Phải trả người bán	54.520.574.193	-	54.520.574.193
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	2.235.623.258	-	2.235.623.258
Tổng cộng	56.756.197.451	-	56.756.197.451
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.728.080.921	-	27.728.080.921

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2017</i>	<i>01/01/2017</i>	<i>31/12/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu	102.457.091.886	82.763.893.868	101.991.758.336	82.298.560.318
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	<i>102.457.091.886</i>	<i>82.763.893.868</i>	<i>101.991.758.336</i>	<i>82.298.560.318</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.233.386.041	2.185.718.054	1.233.386.041	2.185.718.054
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>1.233.386.041</i>	<i>2.185.718.054</i>	<i>1.233.386.041</i>	<i>2.185.718.054</i>
Tổng cộng	103.690.477.927	84.949.611.922	103.225.144.377	84.484.278.372
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính	78.517.033.075	56.756.197.451	78.517.033.075	56.756.197.451
<i>Phải trả người bán</i>	<i>78.308.598.599</i>	<i>54.520.574.193</i>	<i>78.308.598.599</i>	<i>54.520.574.193</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>208.434.476</i>	<i>2.235.623.258</i>	<i>208.434.476</i>	<i>2.235.623.258</i>
Tổng cộng	78.517.033.075	56.756.197.451	78.517.033.075	56.756.197.451

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh: Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là hàng sửa chữa, hàng chế tạo và phục hồi và hoạt động kinh doanh dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Hàng sửa chữa	Hàng chế tạo, phục hồi	Khác	Tổng cộng
Kết quả				
Doanh thu	228.965.853.704	62.115.917.357	11.775.938.761	302.857.709.822
Giá vốn hàng bán	217.264.957.493	49.673.155.915	11.195.371.810	278.133.485.218
Lợi nhuận gộp	11.700.896.211	12.442.761.442	580.566.951	24.724.224.604

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các Quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Bệnh viện Than - Khoáng sản	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Tạp chí Than - Khoáng sản Việt Nam	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Vật tư, vận tải và Xếp dỡ - vinacomin.	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Tây nam đá mài - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Cọc sáu - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Cao Sơn - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty than Nam Mẫu	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty chế biến than Quảng Ninh	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Than Thống Nhất - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Than Dương Huy - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Than Khe Chàm - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Than Quang Hanh - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Kho vận Đá Bạc	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Than Hạ Long - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Hà Lầm - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Xây dựng mỏ hầm lò 1 - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty nhiệt điện Na Dương	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty than Hòn Gai - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty Hóa chất mỏ Cẩm Phả - Vinacomin	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty than Hồng Thái - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
CN mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - VIMICO	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn
Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV	Việt Nam	Trong cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền VNĐ
Bệnh viện Than - Khoáng sản	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	19.754.446
Tạp chí Than - Khoáng sản Việt Nam	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	22.000.000
Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	354.650.000
Công ty tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	176.400.000
Công ty TNHH MTV Vật tư, vận tải và Xếp dỡ - vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	2.763.017.209
Công ty CP Than Tây nam đá mài - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	675.832.288
Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	291.890.000
Công ty CP Than Cọc sáu - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	51.549.500
Công ty CP Than Cao Sơn - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	5.580.228.400
Công ty than Nam Mẫu	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	4.036.500
Công ty CP chế biến KD than - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Bán hàng	137.861.977
Công ty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	431.100.000
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	4.823.728.258
Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	13.398.563.952
Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	5.750.561.897
Công ty Than Thống Nhất - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	2.942.240.069
Công ty Than Dương Huy - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	4.563.430.262
Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	8.329.305.642
Công ty Than Khe Chàm - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	4.711.082.340
Công ty Than Quang Hanh - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	2.204.654.667
Công ty Kho vận Đá Bạc	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	4.341.299.402
Công ty Than Hạ Long - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	8.007.940.489
Công ty CP Than Hà Lầm - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	16.568.801.886
Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.771.655.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tăng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	34.481.007.024
Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	74.000.000
Công ty CP nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.115.221.024
Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	12.871.661.194
Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	63.731.180.869
Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	25.719.522.215
Công ty CP Than Cao Sơn - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	35.351.869.447
Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	22.728.473.449
Công ty Xây dựng mỏ hầm lò 1 - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.328.035.668
Cty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.629.978.771
Công ty nhiệt điện Na Dương	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	552.512.879
Cty than Hòn Gai - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.344.967.411
Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.536.496.237
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	340.140.000
Công ty than Nam Mẫu - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	75.579.371
Công ty Hóa chất mỏ Cẩm Phả - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	2.826.568.312
Công ty than Hồng Thái - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.053.653.000
CN mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - VIMICO	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.443.670.000
Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV	Trong cùng tập đoàn	Mua hàng	84.091.226

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Số tiền VNĐ
Các khoản phải thu		88.335.734.172
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả	Trong cùng tập đoàn	2.085.692.089
Công ty Tuyển than Hòn Gai	Trong cùng tập đoàn	1.308.186.564
Công ty Tuyển than Cửa Ông	Trong cùng tập đoàn	144.800.117
Công ty nhiệt điện Na Dương	Trong cùng tập đoàn	426.004.245
Công ty nhiệt điện Sơn Động	Trong cùng tập đoàn	180.991.221
Tổng Công ty Khoáng sản (Sin quyền, Lào Cai)	Trong cùng tập đoàn	163.240.000
Tổng Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ	Trong cùng tập đoàn	3.109.225.143
Công ty CP Chế tạo máy	Trong cùng tập đoàn	3.379.156.135

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tửảng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	Trong cùng tập đoàn	1.153.018.019
Công ty Than Thống Nhất	Trong cùng tập đoàn	1.012.642.255
Công ty Than Dương Huy	Trong cùng tập đoàn	923.875.727
Công ty CP Than Mông Dương	Trong cùng tập đoàn	2.705.369.035
Cơ quan Tập đoàn	Trong cùng tập đoàn	193.515.986
Công ty Than Khe Chàm	Trong cùng tập đoàn	1.673.504.218
Công ty Than Quang Hanh	Trong cùng tập đoàn	2.073.010.133
Công ty Than Hạ Long	Trong cùng tập đoàn	3.508.734.538
Công ty CP Than Hà Lâm	Trong cùng tập đoàn	4.769.282.000
Công ty CP Than Vàng Danh	Trong cùng tập đoàn	710.182.000
Viện Khoa học công nghệ mỏ	Trong cùng tập đoàn	374.154.000
Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài	Trong cùng tập đoàn	4.498.285.613
Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ	Trong cùng tập đoàn	27.790.000
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả	Trong cùng tập đoàn	397.473.854
Công ty CP Tin học, công nghệ, môi trường	Trong cùng tập đoàn	4.180.417
Công ty CP Than Núi Béo	Trong cùng tập đoàn	3.426.811.181
Công ty CP Than Cọc Sáu	Trong cùng tập đoàn	27.370.419.986
Công ty CP Than Đèo Nai	Trong cùng tập đoàn	5.857.817.917
Công ty CP Than Cao Sơn	Trong cùng tập đoàn	3.256.042.958
Công ty CP Than Hà Tu	Trong cùng tập đoàn	8.387.073.928
Công ty Kho vận Đá Bạc	Trong cùng tập đoàn	2.297.612.139
Công ty Xây dựng mỏ hầm lò 1	Trong cùng tập đoàn	2.230.895.899
Công ty CP Nhiệt Điện Đông Triều	Trong cùng tập đoàn	92.500.349
Công ty CP Cromit Cố định Thanh Hóa	Trong cùng tập đoàn	497.200.000
Công ty Kho vận Hòn Gai	Trong cùng tập đoàn	89.976.648
Công ty Than Nam Mẫu	Trong cùng tập đoàn	3.934.858
Công ty Than Hồng Thái	Trong cùng tập đoàn	3.135.000
Các khoản phải trả		2.167.940.254
Công ty TNHH MTV Vật tư, vận tải và Xếp dỡ - vinacomin	Trong cùng tập đoàn	1.838.358.831
Cty chế biến than Quảng Ninh	Trong cùng tập đoàn	137.861.977
Tạp chí Than - Khoáng sản Việt Nam	Trong cùng tập đoàn	22.000.000
Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Trong cùng tập đoàn	149.965.000
Bệnh viện Than - Khoáng sản	Trong cùng tập đoàn	19.754.446

Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Giám đốc:

	Năm 2017	Năm 2016
Lương thưởng của Ban Giám đốc	166.400.000	332.400.000
Thù lao và thưởng của HĐQT	406.080.000	436.800.000

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Số 370, đường Trần Quốc Tảng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Huệ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Thịnh

GIÁM ĐỐC



Phạm Xuân Phi

